

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16234/SLĐTBXH-LĐ
*Về xác định quỹ tiền lương thực
hiện năm 2013*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2013

- Kính gửi:**
- Các Tổng công ty, công ty – TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quản lý;
 - Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa;
 - Quỹ Phát triển nhà ở.

Triển khai Nghị định số 50/2013/NĐ-CP, Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn số 18/2013/TT-BLĐTBXH, Thông tư hướng dẫn số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quản lý lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng trong công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn hồ sơ báo cáo xác định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng (gọi tắt là viên chức quản lý doanh nghiệp) năm 2013 trong các công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ Phát triển nhà ở trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quản lý (gọi tắt là công ty TNHH một thành viên) như sau:

1. Lập hồ sơ báo cáo xác định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của viên chức quản lý năm 2013:

- Căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh, lao động kế hoạch và thực tế sử dụng trong năm 2013, công ty TNHH một thành viên xác định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của viên chức quản lý năm 2013 đảm bảo gắn liền lương với năng suất lao động và hiệu quả sản xuất, kinh doanh theo quy định Nghị định số 50/2013/NĐ-CP, Nghị định số 51/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Hồ sơ báo cáo xác định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của viên chức quản lý năm 2013 bao gồm:

+ Công văn của công ty về báo cáo xác định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của viên chức quản lý;

+ Quyết định hoặc Nghị quyết của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty về những nội dung: (i) quyết định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động; (ii) thông qua phương án quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của viên chức quản lý để trình chủ sở hữu phê duyệt;

+ Bản sao Kế hoạch tài chính năm 2013 do chủ sở hữu phê duyệt;

- + Bản sao Bảng đối chiếu nộp bảo hiểm xã hội năm 2012, năm 2013;
- + Bản sao Quyết định xếp hạng doanh nghiệp (lần gần nhất);
- + Báo cáo tình hình sử dụng lao động: theo Biểu số 1, 2 đính kèm công văn này;
- + Báo cáo xác định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của viên chức quản lý theo 2 giai đoạn: từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/4/2013 thực hiện theo Thông tư số 27/2010/TT-BLĐTBXH ngày 14/9/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (theo Biểu số 3,4,5,6,7,10,11); từ ngày 01/5/2013 đến ngày 31/12/2013 thực hiện theo Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (theo Biểu số 8, 12);
- Báo cáo tình hình thực chi tiền lương, thu nhập bình quân của người lao động, viên chức quản lý (theo Biểu số 9, 13);
- Văn bản của công ty thuyết minh việc tính toán, xác định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của viên chức quản lý năm 2013 (cụ thể theo từng giai đoạn thực hiện Thông tư số 27/2010/TT-BLĐTBXH và theo Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

2. Nơi nhận báo cáo xác định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của viên chức quản lý năm 2013:

- Công ty TNHH một thành viên sau khi lập hồ sơ báo cáo xác định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của viên chức quản lý năm 2013 theo hướng dẫn tại điểm 1 nêu trên phải báo cáo chủ sở hữu để giám sát, kiểm tra và phê duyệt theo hướng dẫn tại Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Các báo cáo xác định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của viên chức quản lý phải đồng thời gửi cho Kiểm soát viên để rà soát, có ý kiến thẩm định độc lập báo cáo chủ sở hữu theo quy định tại khoản 3, Điều 14 Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH, khoản 3, Điều 14 Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ **Đối với các Tổng công ty, công ty - TNHH một thành viên độc lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố:** công ty lập hồ sơ gửi về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (2 bộ), Sở Nội vụ, Cục thuế, Chi cục Tài chính doanh nghiệp, Sở quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện (đối với các doanh nghiệp công ích quận, huyện) để cùng phối hợp kiểm tra, thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố.

+ **Đối với các công ty TNHH một thành viên trực thuộc các Tổng công ty, công ty – TNHH một thành viên hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con:** công ty lập hồ sơ gửi về công ty mẹ để kiểm tra, thẩm định theo thẩm quyền (hồ sơ này đồng thời gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục thuế, Chi cục Tài chính doanh nghiệp để phối hợp cùng công ty mẹ kiểm tra, giám sát).

+ Riêng ý kiến thẩm định độc lập của Kiểm soát viên, Kiểm soát viên phải gửi cho chủ sở hữu trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận báo cáo của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty (đồng thời gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ, Cục thuế, Chi cục Tài chính doanh nghiệp, sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện để cùng phối hợp giám sát).

- Trách nhiệm của các sở, ngành, Tổng công ty, công ty (công ty mẹ) trong công tác quản lý, giám sát chế độ lao động, tiền lương, thu nhập tại các công ty TNHH một thành viên

thực hiện theo quy định Nghị định số 50/2013/NĐ-CP, Nghị định số 51/2013/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Khi xác định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của viên chức quản lý năm 2013, công ty TNHH một thành viên lưu ý:

- Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của viên chức quản lý năm 2013 gồm quỹ tiền lương, thù lao của 2 giai đoạn: quỹ tiền lương, thù lao thực hiện 4 tháng đầu năm 2013 (từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/4/2013) và quỹ tiền lương, thù lao thực hiện 8 tháng cuối năm 2013 (từ ngày 01/5/2013 đến ngày 31/12/2013). Việc xác định quỹ tiền lương, thù lao của từng giai đoạn được xác định theo đúng hướng dẫn tại điểm 4, Phụ lục số 1 Thông tư số 18/2010/TT-BLĐTBXH, Phụ lục số 1 Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Lưu ý, khi xác định quỹ tiền lương thực hiện 8 tháng cuối năm 2013 của người lao động, công ty phải rà soát lại mức tiền lương bình quân thực hiện năm 2012 làm cơ sở để xác định mức tiền lương bình quân thực hiện năm 2013 (từ đó xác định quỹ tiền lương thực hiện cho 8 tháng cuối năm 2013). Quỹ tiền lương thực hiện 8 tháng cuối năm 2013 của người lao động theo quy định Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được tính chung cho toàn công ty (không tách riêng theo từng hoạt động) dựa trên số lao động thực tế sử dụng bình quân năm 2013 và kết quả lao động cuối cùng (năng suất lao động thực hiện bình quân và lợi nhuận thực hiện năm 2013 so với thực hiện năm 2012).

- Công ty cần rà soát, xác định đúng số lao động thực tế sử dụng bình quân để tính năng suất lao động bình quân thực hiện năm 2012, năm 2013 phù hợp thực tế, từ đó xác định quỹ tiền lương thực hiện năm 2013 của người lao động theo đúng quy định Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Tổ chức thực hiện:

- Chậm nhất ngày **15/02/2014**, các công ty TNHH một thành viên có trách nhiệm gửi hồ sơ báo cáo xác định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của viên chức quản lý năm 2013 về các sở, ngành, Tổng công ty, công ty (công ty mẹ) để giám sát, kiểm tra, thẩm định theo quy định.

- Các Biểu mẫu xác định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của viên chức quản lý năm 2013 theo hướng dẫn tại công văn này, các công ty TNHH một thành viên tải về từ trang điện tử của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội theo địa chỉ: www.sldtbxh.hochiminhcity.gov.vn (đường dẫn: Văn bản pháp luật → Lao động).

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị các công ty TNHH một thành viên nghiên cứu kỹ quy định Nghị định số 50/2013/NĐ-CP, Nghị định số 51/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để triển khai thực hiện tại doanh nghiệp đảm bảo quy định Nhà nước, nhất là trong việc xác định và phân phối quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động và viên chức quản lý trong doanh nghiệp.

Trong quá trình thực hiện có vướng mắc, các công ty thông tin về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, số 159 Pasteur, Quận 3, điện thoại: 38.295.900 – 38.209.638 để được hướng dẫn kịp thời ./.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ LĐ-TB&XH (để báo cáo);
- PCT UBND TP Lê Mạnh Hà (để báo cáo);
- Sở Nội vụ
- Sở Giao thông vận tải
- Sở Tài nguyên và Môi trường
- Sở NN&PT Nông thôn (để phối hợp th/h);
- Sở Xây dựng
- Cục thuế
- Chi cục TCDN
- UBND quận, huyện
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Lưu: VT; P.LĐTLTC (Cg).

Huỳnh Thanh Khiết



Tên Chủ sở
hữu:.....
Tên Công
ty:.....

Biểu số 1

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM 2012, NĂM 2013

*Đơn vị tính:
người*

Số TT	Chỉ tiêu	Tình hình sử dụng lao động năm 2012						Tình hình sử dụng lao động năm 2013	
		Tổng số lao động kế hoạch	Tổng số lao động thực tế có mặt ngày 01/01	Tổng số lao động giảm trong năm (3)	Tổng số lao động tăng trong năm	Tổng số lao động thực tế có mặt ngày 31/12	Lao động thực tế sử dụng bình quân	Tổng số lao động kế hoạch	Lao động thực tế sử dụng bình quân
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Tổng số lao động:								
1	Lao động quản lý (1)								
2	Lao động chuyên môn, phục vụ								
3	Lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh								
4	Lao động bổ sung								
II	Trình độ lao động (2):								
1	Đại học trở lên								
2	Cao đẳng								
3	Trung học chuyên nghiệp								
4	Sơ cấp								
5	Công nhân kỹ thuật								
6	Chưa đào tạo								

Ghi chú:

- (1) Bao gồm các Trưởng phòng (ban), Phó Trưởng phòng (ban) và tương đương theo cơ cấu tổ chức, điều lệ công ty. Không bao gồm Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
- (2) Ghi theo bằng cấp cao nhất đạt được.
- (3) Số lao động thôi việc, mất việc, nghỉ hưu....trong năm.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm 2013

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Tổng Giám đốc/Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Tên Chủ sở hữu:.....

Biểu số 2

Tên Công ty:.....

GIẢI TRÌNH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM 2012, NĂM 2013

I. Tình hình sử dụng lao động năm 2012, năm 2013:

Công ty trình bày những nội dung sau:

- Đặc điểm sản xuất, kinh doanh năm 2012, năm 2013;
- Tình hình sử dụng lao động thực tế năm 2012, năm 2013 (lao động định mức, lao động thực tế, mức chênh lệch...) gắn với nhu cầu sản xuất, kinh doanh như: do nhu cầu thu hẹp hoặc mở rộng sản xuất, kinh doanh gắn với yêu cầu giảm, tăng số lượng lao động...;
- Tình hình sử dụng lao động mùa vụ và việc đảm bảo chế độ, chính sách đối với lao động mùa vụ theo quy định pháp luật lao động.

...

II. Bảng tổng hợp lao động thực tế sử dụng bình quân năm 2012, năm 2013:

Đơn vị tính: người

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2012		Thực hiện năm 2013	
	Lao động tham gia BHXH, BHYT	Lao động mùa vụ	Lao động tham gia BHXH, BHYT	Lao động mùa vụ
Tháng 1				
Tháng 2				
...				
Tháng 11				
Tháng 12				
Tổng số lao động thực tế sử dụng bình quân				
Tổng cộng				

Ghi chú:

(1) Lao động tham gia BHXH, BHYT không bao gồm Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

(2) Việc xác định số lao động bình quân năm thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số I Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm
2013

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Tổng Giám đốc/Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Tên Chủ sở
hữu:.....
Tên Công
ty:.....

Biểu số 3

QUỸ LƯƠNG THỰC HIỆN THEO ĐƠN GIÁ TIỀN LƯƠNG NĂM 2013
GAİ ĐOẠN TỪ 01/01/2013 ĐẾN 30/4/2013

(Áp dụng đối với công ty tính đơn giá tiền lương theo tổng doanh thu
hoặc tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa có lương hoặc lợi nhuận)

Số TT	Chỉ tiêu tính đơn giá tiền lương	Đơn vị tính	Năm 2012		Năm 2013		So sánh	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	KH2013/TH2012 (%)	TH2013/KH2013 (%)
1	2	3	4	5	6	7	8=6/5	9=7/6
I	CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH:							
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng						
2	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng						
3	Lợi nhuận	Tr.đồng						
4	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng						
II	ĐƠN GIÁ TIỀN LƯƠNG:							
1	Lao động định biên (1)	Người						
2	Lao động thực tế sử dụng bình quân (1)	Người						
3	Số ngày làm việc tiêu chuẩn trong tháng do công ty áp dụng	Ngày						
4	Hệ số lương theo cấp bậc công việc bình quân (1)							
5	Hệ số phụ cấp bình quân tính trong đơn giá (1)							
6	Mức lương tối thiểu công ty lựa chọn (TLmincty)	1.000đ/th						
7	Phần chênh lệch tiền lương của cán bộ chuyên trách đoàn thể	Tr.đồng						
8	Quỹ tiền lương tính thêm khi làm việc vào ban đêm tính trong ĐG	Tr.đồng						
9	Đơn giá tiền lương							
10	Quỹ tiền lương năm kế hoạch theo đơn giá	Tr.đồng						
11	Quỹ phụ cấp, chế độ khác (nếu có) không được tính trong ĐG (1)	Tr.đồng						
12	Quỹ tiền lương làm thêm giờ ngoài kế hoạch (1)	Tr.đồng						
13	Tổng quỹ tiền lương chung (10+11+12)	Tr.đồng						

14	Quỹ lương thực hiện giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/4/2013	Tr.đồng						
15	NSLĐ BQ tính theo lao động định mức (2)	Tr.đ/năm						
16	NSLĐ BQ tính theo lao động TTSD BQ (2)	Tr.đ/năm						
17	Tiền lương BQ tính theo lao động định mức	1.000đ/th						
18	Tiền lương BQ tính theo lao động TTSD BQ	1.000đ/th						

Ghi chú:

(1) Các chỉ tiêu này đều là chỉ tiêu tổng hợp, công ty phải có thuyết minh chi tiết các chỉ tiêu này.

(2) Năng suất lao động được tính theo chỉ tiêu tính đơn giá tiền lương.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm 2013

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Tổng Giám đốc/Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**QUỸ LƯƠNG THỰC HIỆN THEO ĐƠN GIÁ TIỀN LƯƠNG NĂM 2013
GIAI ĐOẠN TỪ 01/01/2013 ĐẾN 30/4/2013**

(Áp dụng đối với công ty tính đơn giá tiền lương theo đơn vị sản phẩm)

Số TT	Chi tiêu tính đơn giá tiền lương	Đơn vị tính	Năm 2012		Năm 2013		So sánh	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	KH2013/TH2012 (%)	TH2013/KH2013 (%)
1	2	3	4	5	6	7	8=6/5	9=7/6
I	CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH							
1	Tổng sản phẩm (kể cả sản phẩm quy đổi)							
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng						
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng						
4	Lợi nhuận	Tr.đồng						
5	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng						
II	ĐƠN GIÁ TIỀN LƯƠNG							
1	Định mức lao động							
	Sản phẩm 1							
	Sản phẩm...							
2	Sản lượng							
	Sản phẩm 1							
	Sản phẩm...							
3	Lao động định mức quy đổi (1)	Người						
4	Lao động thực tế sử dụng bình quân (1)	Người						
5	Số ngày làm việc tiêu chuẩn trong tháng do công ty áp dụng	Ngày						
6	Hệ số lương theo cấp bậc công việc bình quân (1)							
	Sản phẩm 1							
	Sản phẩm...							
7	Hệ số phụ cấp bình quân tính trong đơn giá (1)							
8	Mức lương tối thiểu công ty lựa chọn (TLmincty)	1.000đ/th						
9	Phần chênh lệch tiền lương của cán bộ chuyên trách đoàn thể	Tr.đồng						
10	Quỹ tiền lương tính thêm khi làm việc vào ban đêm tính trong ĐG	Tr.đồng						
11	Đơn giá tiền lương							
	Sản phẩm 1							
	Sản phẩm...							
12	Quỹ tiền lương năm kế hoạch theo đơn giá	Tr.đồng						
	Lương sản phẩm 1	Tr.đồng						
	Lương sản phẩm...	Tr.đồng						
13	Quỹ tiền lương bổ sung (1)	Tr.đồng						
14	Quỹ phụ cấp, chế độ khác (nếu có) không được tính trong ĐG (1)	Tr.đồng						

15	Quỹ tiền lương làm thêm giờ ngoài kế hoạch (1)	Tr.đồng						
16	Quỹ tiền lương làm việc vào ban đêm ngoài đơn giá (1)	Tr.đồng						
17	Tổng quỹ tiền lương chung (12+13+14+15+16)	Tr.đồng						
18	Quỹ lương thực hiện giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/4/2013	Tr.đồng						
19	NSLĐ BQ tính theo lao động định mức	Tr.đ/năm						
20	NSLĐ BQ tính theo lao động TTSD BQ	Tr.đ/năm						
21	Tiền lương BQ tính theo lao động định mức	1.000đ/th						
22	Tiền lương BQ tính theo lao động TTSD BQ	1.000đ/th						

Ghi chú:

(1) Các chỉ tiêu này đều là chỉ tiêu tổng hợp, công ty phải có thuyết minh chi tiết các chỉ tiêu này.

Tp. Hồ Chí Minh,

ngày....tháng....năm 2013

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Tổng Giám đốc/Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Tên Chủ sở hữu:.....

Biểu số 5

Tên Công ty:.....

**BIỂU THUYẾT MINH PHỤ CẤP TÍNH TRONG ĐƠN GIÁ TIỀN LƯƠNG
VÀ TIỀN LƯƠNG TÍNH THÊM KHI LÀM VIỆC VÀO BAN ĐÊM NĂM 2013
GIAI ĐOẠN TỪ 01/01/2013 ĐẾN 30/4/2013**

A. Phụ cấp:

Loại phụ cấp	Mức lương tối thiểu công ty lựa chọn (TLmincty) (1.000 đồng/tháng)	Tỷ lệ phụ cấp (%)	Số người được hưởng (người)	Số tháng được hưởng (tháng)	Quỹ phụ cấp (1.000 đồng)
1	2	3	4	5	6
I. Phụ cấp tính theo lương tối thiểu:					
1. Phụ cấp khu vực					
2. Phụ cấp trách nhiệm công việc					
3. Phụ cấp độc hại, nguy hiểm					
4. Phụ cấp lưu động					
5. Phụ cấp giữ chức vụ Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng					
II. Phụ cấp tính theo lương cấp bậc:					
1. Phụ cấp thu hút					
III. Tổng quỹ phụ cấp					

B. Tiền lương tính thêm khi làm việc vào ban đêm:

1. Trường hợp làm trọn ca (làm việc liên tục từ 21 giờ đến 5 giờ sáng hôm sau), tiền lương tính thêm khi làm việc vào ban đêm tính như sau:

$$\text{Quỹ tiền lương tính thêm khi làm đêm} = \frac{\text{TL mincty} \times (\text{Hcb} + \text{Hpc}) \times \text{Số ca} \times \text{Số người} \times 30\%}{\text{Số ngày làm việc tiêu chuẩn trong tháng do công ty áp dụng}}$$

2. Trường hợp làm không trọn ca (mỗi ca chỉ làm 2 giờ, 3 giờ...), tiền lương tính thêm khi làm việc vào ban đêm được tính bằng số giờ và số người làm thêm theo kế hoạch trong năm:

$$\text{Quỹ tiền lương tính thêm khi làm đêm} = \frac{\text{TL mincty} \times (\text{Hcb} + \text{Hpc}) \times \text{Số giờ} \times \text{Số người} \times 30\%}{\text{Số giờ làm việc tiêu chuẩn trong tháng do công ty áp dụng}}$$

Tp. Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm 2013

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Tổng Giám đốc/Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Tên Chủ sở hữu:.....

Biểu số 6

Tên Công ty:.....

BIỂU THUYẾT MINH QUỸ TIỀN LƯƠNG BỔ SUNG NĂM 2013

GIẢI ĐOẠN TỪ 01/01/2013 ĐẾN 30/4/2013

(Áp dụng cho đơn vị xây dựng đơn giá tiền lương theo đơn vị sản phẩm mà khi xây dựng định mức lao động chưa tính)

STT	Các khoản trả theo chế độ	Thời gian được hưởng (Ngày)	Số lao động thực tế được hưởng (Người)	Tiền lương bình quân của số lao động được hưởng (1.000 đồng/ngày)	Số tiền (1.000 đồng)	Ghi chú
	1	2	3	4	5= 2 x 3 x 4	6
1	Nghỉ Lễ, Tết					
2	Nghỉ hàng năm					
3	Nghỉ việc riêng					
4	Nghỉ theo chế độ lao động nữ					
	- Nghỉ vệ sinh kinh nguyệt					
	- Nghỉ cho con bú					
Tổng cộng						
Trong đó số tiền chi trả cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/4/2013						

Ghi chú:

- Các khoản trả theo chế độ (mục 1, mục 2, mục 4) tính theo tổng số lao động bình quân kế hoạch.

- Cột 4 (tiền lương bình quân) =
$$\frac{(H_{cb} + H_{pc}) \times \text{Mức lương tối thiểu chung}}{\text{Số ngày làm việc tiêu chuẩn trong tháng do công ty áp dụng}}$$

- Cột 5 (số tiền) là tiền lương bổ sung theo chế độ trả cho thời gian không tham gia sản xuất được hưởng lương của người lao động, tính theo mức lương tối thiểu chung do Nhà nước quy định.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm 2013

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Tổng Giám đốc/Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

GIẢI TRÌNH ĐƠN GIÁ TIỀN LƯƠNG THEO ĐƠN VỊ SẢN PHẨM NĂM 2013
GAİI ĐOẠN TỪ 01/01/2013 ĐẾN 30/4/2013

Stt	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Định mức lao động kế hoạch năm 2013	Mức lương cấp bậc công việc bình quân			Đơn giá tiền lương theo đơn vị sản phẩm năm 2013										Đơn giá tiền lương kế hoạch năm 2013	Sản lượng kế hoạch năm 2013	Sản lượng thực hiện năm 2013	Quỹ lương kế hoạch theo đơn giá năm 2013	Quỹ lương thực hiện theo đơn giá năm 2013
				Hệ số lương		Mức lương cấp bậc ngày tính theo MLTT công ty lựa chọn	Tổng cộng	Chia ra													
				Theo cấp bậc công việc	Theo cấp bậc công nhân			Tiền lương cấp bậc	Tổng tiền phụ cấp	Trong đó											
										Phụ cấp khu vực	Phụ cấp độc hại, nguy hiểm	Phụ cấp trách nhiệm	Phụ cấp chức vụ	Tiền lương tính thêm làm việc vào ban đêm	Phụ cấp thu hút	Phụ cấp lưu động					
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9=4x7	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21=18x19	22=18x20
1	Sản phẩm 1																				
2	Sản phẩm 2																				
...	...																				
	Tổng cộng																				

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm 2013

Tổng Giám đốc/Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Tên Chủ sở
hữu:.....
Tên Công
ty:.....

Biểu số 8

**BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM
2013
GIAI ĐOẠN TỪ 01/5/2013 ĐẾN 31/12/2013**

Số TT	Chỉ tiêu tính đơn giá tiền lương	Đơn vị tính	Năm 2012		Năm 2013		So sánh	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	KH2013/TH2012 (%)	TH2013/TH2012 (%)
1	2	3	4	5	6	7	8=6/5	9=7/6
I	CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH:							
1	Tổng sản phẩm (kể cả quy đổi)							
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng						
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng						
4	Lợi nhuận	Tr.đồng						
5	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng						
II	ĐƠN GIÁ TIỀN LƯƠNG:							
1	Lao động kế hoạch	Người						
2	Lao động thực tế sử dụng bình quân	Người						
3	Mức lương bình quân theo hợp đồng lao động	1.000đ/th						
4	Mức lương bình quân kế hoạch	1.000đ/th						
5	Mức lương bình quân thực hiện	1.000đ/th						
6	Năng suất lao động bình quân theo...(1)	Tr.đ/năm						
7	Phần chênh lệch tiền lương của cán bộ chuyên trách đoàn thể	Tr.đồng						
8	Quỹ thưởng an toàn và chế độ đặc thù khác (nếu có)	Tr.đồng						
9	Quỹ lương kế hoạch	Tr.đồng						
10	Quỹ lương thực hiện	Tr.đồng						
11	Quỹ lương thực hiện giai đoạn từ 01/5/2013 đến 31/12/2013	Tr.đồng						
12	Quỹ thưởng, phúc lợi trực tiếp phân phối cho người lao động	Tr.đồng						
13	Thu nhập bình quân	1.000đ/th						

Ghi chú:

(1) Ghi rõ năng suất lao động tính theo chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí (chưa có lương) hoặc tính theo tổng sản phẩm tiêu thụ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm 2013

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Tổng Giám đốc/Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Tên Chủ sở hữu:.....
 Tên Công ty:.....

Biểu số 9

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC CHI TIỀN LƯƠNG, THU NHẬP BÌNH QUÂN THÁNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2012, NĂM 2013

Đơn vị tính: 1.000 đồng/người/tháng

Chi tiêu	Tổng tiền lương và thu nhập bình quân của người lao động được nhận								Các khoản phải nộp bình quân của người lao động					Thu nhập được nhận
	Tổng cộng	Chia ra							Chia ra					
		Tiền lương theo đơn giá/lương khoán	Các khoản phụ cấp và chế độ khác chưa tính trong đơn giá	Tiền thưởng các loại	Tiền lương làm thêm giờ	Tiền ăn ca	Tiền BHXH trả thay lương	Tiền thưởng	Tổng cộng	Bảo hiểm xã hội	Bảo hiểm y tế	Tiền bồi thường theo Bộ luật Lao động	Thuế thu nhập cá nhân	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15 = 2 - 10
Thực hiện năm 2012														
Thực hiện năm 2013														

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm 2014

Tổng Giám đốc/Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BÁO CÁO

**Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của thành viên Hội đồng thành viên,
Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc,
Phó giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên năm 2013
Giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/4/2013**

Số TT	Chi tiêu tính tiền lương, thù lao và tiền thưởng	Đơn vị tính	Năm 2012		Năm 2013		So sánh	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	KH2013/TH2012 (%)	TH2013/KH2013 (%)
1	2	3	4	5	6	7	8=6/5	9=7/6
I	CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH:							
1	Tổng sản phẩm (kể cả sản phẩm quy đổi)							
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng						
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng						
4	Lợi nhuận	Tr.đồng						
5	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng						
II	CHỈ TIÊU XÁC ĐỊNH ĐƠN GIÁ TIỀN LƯƠNG CỦA CÔNG TY							
1	Lao động định mức tính đơn giá tiền lương	Người						
2	Lao động thực tế sử dụng bình quân (không bao gồm thành viên chuyên trách HĐQT, Chủ tịch Cty, TGD, GD, PTGD, PGD, KTT và KSV chuyên trách)	Người						
3	Số ngày làm việc tiêu chuẩn do Cty áp dụng/tháng	Ngày						
4	Mức lương tối thiểu công ty lựa chọn để xác định ĐGTL (TLmincty)	1.000đ/th						
5	Hệ số lương theo cấp bậc công việc bình quân							
6	Hệ số phụ cấp bình quân tính trong đơn giá tiền lương							
7	Quỹ tiền lương năm kế hoạch theo đơn giá tiền lương	Tr.đồng						
8	Tiền lương bình quân theo đơn giá tiền lương	1.000đ/th						
9	Năng suất lao động bình quân	Tr.đ/năm						
II	TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG:							
1	Số thành viên chuyên trách HĐQT, Chủ tịch công ty và Kiểm soát viên chuyên trách	Người						
2	Số thành viên không chuyên trách HĐTV, Chủ tịch công ty và Kiểm soát viên không chuyên trách	Người						

3	TGD, GD, PTGD, PGD, KTT	Người						
4	Hạng công ty được xếp							
5	Hệ số lương bình quân (1)							
6	Hệ số phụ cấp bình quân (nếu có)							
7	Mức lương tối thiểu công ty lựa chọn (TLmincty)	1.000đ/th						
8	Hệ số điều chỉnh quỹ tiền lương	Tr.đồng						
9	Tỷ lệ thù lao bình quân so với tiền lương	Tr.đồng						
10	Quỹ tiền lương	Tr.đồng						
11	Quỹ lương thực hiện giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/4/2013	Tr.đồng						
12	Quỹ thù lao	Tr.đồng						
13	Quỹ thù lao thực hiện giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/4/2013	Tr.đồng						
14	Quỹ tiền thưởng	Tr.đồng						
15	Tiền lương bình quân (2)	1.000đ/th						
16	Thu nhập bình quân (3)	1.000đ/th						

Ghi chú:

(1) Hệ số lương của thành viên chuyên trách HĐTV, Chủ tịch công ty và Kiểm soát viên chuyên trách, TGD, GD, PTGD, PGD, KTT.

(2) Năng suất lao động được tính theo chỉ tiêu tính đơn giá tiền lương.

(2) Tiền lương bình quân của thành viên chuyên trách HĐTV, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên chuyên trách, TGD, GD, PTGD, PGD, KTT.

(3) Thu nhập bình quân của thành viên chuyên trách HĐTV, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên chuyên trách, TGD, GD, PTGD, PGD, KTT (gồm tiền lương và tiền thưởng).

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

*Tp. Hồ Chí Minh,
ngày....tháng....năm 2013*

Tổng Giám đốc/Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Tên Chủ sở
hữu:.....
Tên Công
ty:.....

Biểu số 11

DANH SÁCH VIÊN CHỨC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2013

Stt	Họ và tên	Chức vụ		Lương cấp bậc thành viên chuyên trách				Ghi chú
		Chuyên trách	Không chuyên trách	Thực hiện năm 2012		Thực hiện năm 2013		
				Hệ số lương	Số tháng hưởng	Hệ số lương	Số tháng hưởng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1								
2								
3								
...								
	Bình quân gia quyền	X	X		X		X	

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm 2013

Tổng Giám đốc/Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Tên Chủ sở
hữu:.....
Tên Công
ty:.....

Biểu số 12

**BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG THỰC HIỆN
NĂM 2013**

của thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Giám đốc

Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng

Giai đoạn từ 01/5/2013 đến 31/12/2013

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2012		Năm 2013		So sánh	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	KH2013/TH2012 (%)	TH2013/TH2012 (%)
1	2	3	4	5	6	7	8=6/5	9=7/6
I	CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH:							
1	Tổng số vốn chủ sở hữu	Tr.đồng						
2	Tổng sản phẩm (kể cả sản phẩm quy đổi)							
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng						
4	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng						
5	Lợi nhuận	Tr.đồng						
6	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng						
7	Năng suất lao động bình quân							
II	Tiền lương của viên chức quản lý chuyên trách (2)							
1	Số viên chức quản lý chuyên trách (tính bình quân)	Người						
2	Hạng công ty được xếp							
3	Hệ số mức lương bình quân							
4	Mức lương cơ bản bình quân	Tr.đồng/tháng						
5	Hệ số tăng thêm so với mức lương cơ bản (nếu có)							
6	Quỹ tiền lương	Tr.đồng						
7	Quỹ lương thực hiện giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/4/2013	Tr.đồng						
8	Mức tiền lương bình quân	Tr.đồng/tháng						
II	Thù lao của viên chức quản lý không chuyên trách (3)							
1	Số viên chức quản lý không chuyên trách (tính bình quân)	Người						
2	Tỷ lệ thù lao bình quân so với tiền lương	Người						
3	Quỹ thù lao	Người						
4	Quỹ thù lao thực hiện giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/4/2013							
5	Mức thù lao bình quân							

IV	Tiền thưởng, thu nhập							
1	Quỹ tiền thưởng							
2	Quỹ thưởng an toàn, quỹ thưởng khác (nếu có)	1.000đ/th						
3	Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý chuyên trách (4)	Tr.đồng						
4	Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý không chuyên trách (5)	Tr.đồng						

Ghi chú:

(1) ghi rõ năng suất lao động tính theo chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí (chưa có lương) hoặc tính theo tổng sản phẩm tiêu thụ.

(2) Viên chức quản lý chuyên trách, gồm: Chủ tịch và thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty chuyên trách, Kiểm soát viên chuyên trách, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty.

(3) Viên chức quản lý không chuyên trách, gồm: Chủ tịch và thành viên không chuyên trách Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty không chuyên trách, Kiểm soát viên không chuyên trách.

(4) Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý chuyên trách, gồm tiền lương, tiền thưởng (kể cả thưởng an toàn nếu có).

(5) Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý không chuyên trách, gồm thù lao, tiền thưởng (kể cả thưởng an toàn nếu có).

(6) Năm trước liền kề năm báo cáo tại cột số 6 và số 7

Tp. Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm 2013

Tổng Giám đốc/Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Tên Chủ sở hữu:.....

Biểu số 13

Tên Công ty:.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC CHI TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG BÌNH QUÂN NĂM 2012, NĂM 2013
của thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc,
Phó Tổng giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng

Stt	Họ tên	Chức danh	Chuyên trách/không chuyên trách	Hệ số mức lương	Tiền lương (tr.đồng/tháng)		Thù lao kiêm nhiệm (tr.đồng/tháng)		Thù lao đại diện vốn (tr.đồng/tháng)		Tiền thưởng (từ quỹ thưởng công ty) (tr.đồng/tháng)		Tiền thưởng (từ quỹ thưởng BĐH) (tr.đồng/tháng)		Các khoản khác (ghi cụ thê) (tr.đồng/tháng)		Tổng thu nhập (trước thuế TNCN, BHXH, BHYT...)
					Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	
1	TH năm 2012																
2	TH năm 2013																
...	...																

Tp. Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm 2014

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên, chức
vụ)

Tổng Giám đốc/Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)